

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 142/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các quy định trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số .../TTr-SCT ngày ... tháng ... năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026 và thay thế Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư Pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{BT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã), chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý: Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan,

đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật; đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả.

2. Phương thức phối hợp:

a) Đơn vị chủ trì: Căn cứ vào tính chất, nội dung công việc cần phối hợp, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một hoặc phối hợp các phương thức sau: Phát hành văn bản kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến; Tổ chức làm việc tập trung thông qua các cuộc họp trực tiếp để các bên tham gia thảo luận và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận; Thành lập đoàn kiểm tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc được giao; Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan.

Sau khi triển khai lấy ý kiến phối hợp, tổng hợp xử lý, có kết luận liên quan đến cụm công nghiệp, đến các tổ chức, cá nhân liên quan; cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp, mỗi cơ quan 01 (một) bản để cập nhật thông tin, phối hợp quản lý; những nội dung do Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì được thực hiện tương tự đối với các cơ quan, đơn vị phối hợp khác.

b) Đơn vị phối hợp:

Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định khi đơn vị chủ trì phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến. Sau thời gian quy định, đơn vị được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời đến đơn vị chủ trì thì được xem là đồng ý với nội dung hồ sơ và phải chịu trách nhiệm đối với những nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong trường hợp không thể tham gia cuộc họp do đơn vị chủ trì tổ chức. Khi đơn vị phối hợp không tham dự họp và không có văn bản tham gia về nội dung phối hợp liên quan thì chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

c) Căn cứ vào kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp do các cơ quan quản lý chuyên ngành lập hoặc được giao hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành thông báo nội dung để Sở Công Thương tổng hợp làm cơ sở bố trí phối hợp quản lý. Đối với các chương trình công tác đột xuất, các cơ quan chuyên ngành thông báo với Sở Công Thương, UBND cấp xã để phối hợp thực hiện.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Các tổ chức,

cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước về cụm công nghiệp theo Quy chế này.

đ) Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung quản lý:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp.

c) Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

d) Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

đ) Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

e) Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

g) Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

h) Lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

i) Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

k) Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

l) Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp.

m) Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

n) Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

o) Công tác thông tin báo cáo.

- p) Công tác thanh tra, kiểm tra.
- q) Quản lý đối với các cụm công nghiệp không có chủ đầu tư.
- r) Chuyên đổi cụm công nghiệp.

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, Quy chế quản lý cụm công nghiệp, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp, kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Xây dựng và thực hiện các chương trình tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý, phát triển cụm công nghiệp trong nước và nước ngoài;

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

d) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành thường xuyên Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: Thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở dự án đầu tư, phê duyệt các thủ tục môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy) theo quy định của pháp luật;

e) Lập danh mục dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch và phương án phát triển cụm công nghiệp được phê duyệt, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2. Sở Tài chính:

a) Cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về định hướng thu hút đầu tư trong cụm công nghiệp, điều kiện về môi trường, về tiết kiệm diện tích sử dụng đất, về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án theo quy định pháp luật;

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công

nghiệp trên địa bàn;

d) Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo phân cấp và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi và cấp lại Giấy phép khai thác tài nguyên nước và Giấy phép môi trường, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật của các cụm công nghiệp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có) theo quy định.

4. Sở Xây dựng

a) Tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã thẩm định hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của các cụm công nghiệp và thủ tục cấp phép xây dựng, đấu nối giao thông... đối với cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

c) Kiểm tra và xử lý các vi phạm về xây dựng, giao thông theo phân cấp và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. UBND cấp xã:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành; đối với CCN nằm trên địa bàn 02 xã thì giao UBND xã có diện tích CCN lớn hơn chủ trì thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với CCN, xã có diện tích CCN nhỏ hơn có trách nhiệm phối hợp;

b) Đề xuất xây dựng phương án phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hiệu quả các cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp;

c) Quyết định hỗ trợ hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các tranh chấp về lao động, đình công trong các cụm công nghiệp trên địa bàn;

đ) Cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra việc thực hiện theo giấy phép xây dựng và tình hình trật tự xây dựng theo phân cấp; tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền;

e) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo thẩm quyền và theo quy định;

g) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

6. Ban Quản lý Khu Kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư/Cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp trong Khu Kinh tế theo quy định, đáp ứng yêu cầu về định hướng thu hút đầu tư trong cụm công nghiệp, điều kiện về môi trường, về tiết kiệm diện tích sử dụng đất, về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Phối hợp với Sở Công Thương trong công tác quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp nằm trong Khu Kinh tế.

7. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

a) Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định của Luật Quy hoạch, Điều 4, 5 Nghị định 32/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ trì xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã theo quy định và gửi Sở Công Thương xem xét, tổng hợp, báo cáo.

- Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp và gửi Sở Tài chính tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan phối hợp góp ý, hoàn thiện phương án phát triển cụm công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

Sở Công Thương chủ trì tham mưu thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự đề xuất xây dựng, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định Luật Quy hoạch, Điều 6, 7 Nghị định 32/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn gửi Sở Công Thương.

3. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp và gửi Sở Tài chính tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan phối hợp góp ý, hoàn thiện điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Các điều kiện thành lập cụm công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 3, 4 Điều 2 Quyết định

số 142/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các điều kiện mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 2 Quyết định số 142/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị, trình tự, nội dung thẩm định và nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 6, 7 Điều 2 Quyết định số 142/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Sở Tài chính: Thẩm định các nội dung về tư cách pháp lý, năng lực tài chính của chủ đầu tư; định hướng, giải pháp thu hút đầu tư; ngành nghề, mục tiêu thu hút đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ cấu, khả năng cân đối và các giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư; nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư; chính sách ưu đãi (nếu có) đối với dự án của chủ đầu tư; chi phí liên quan và các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý.

c) Sở Xây dựng: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp quy hoạch xây dựng của dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực quy hoạch; sơ bộ tổng mức đầu tư, khả năng đầu nối hạ tầng và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực xây dựng; Sự phù hợp của dự án về mức độ ảnh hưởng việc triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đến Phương án phát triển mạng lưới giao thông, hiện trạng hạ tầng giao thông, khả năng đáp ứng giao thông bên trong và bên ngoài cụm công nghiệp khi dự án đi vào hoạt động (đầu nối, an toàn giao thông...) và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực giao thông vận tải.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định các nội dung về điều kiện thu hồi đất; nhu cầu sử dụng đất, khả năng đáp ứng điều kiện cho thuê đất, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất; sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành nông nghiệp bao gồm cả đề điều, thủy lợi, công trình đề điều bị ảnh hưởng (nếu có); cơ cấu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); Tính khả thi của phương án bảo vệ môi trường; Phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gồm: giải pháp đầu nối thoát

nước mưa, nước thải của dự án vào hệ thống công trình thủy lợi trong khu vực (nếu có); việc thực hiện các quy định của nhà nước về quản lý sử dụng đất trồng lúa (nếu có) và các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

đ) Các cơ quan, đơn vị có liên quan khác: Thẩm định hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung được xin ý kiến.

Điều 8. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (quy mô diện tích, mục tiêu, ngành nghề hoạt động, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện dự án, thay đổi thông tin về Chủ đầu tư...). Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trên cơ sở nội dung đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan thẩm định nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Các Sở, ban, ngành:

- Sở Tài chính: Thẩm định về khả năng đáp ứng tài chính của chủ đầu tư tại thời điểm đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; các nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý; khả năng đáp ứng các điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; thông tin của Chủ đầu tư (nếu có thay đổi); nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định về tình hình sử dụng đất, chấp hành các quy định về đất đai, môi trường của chủ đầu tư; các nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Sở Xây dựng: Thẩm định về điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án; sự phù hợp của tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh; các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan khác: Thẩm định hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung được xin ý kiến.

d) Đối với điều chỉnh chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát kết quả thực hiện các nội dung của Quyết định thành lập các cụm công nghiệp trên địa bàn, đề xuất xem xét bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp cho phù hợp với thực tế và quy định pháp luật hiện hành, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 9. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg

1. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp; tổ chức rà soát lại hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hồ sơ pháp lý liên quan của cụm công nghiệp để làm rõ sự cần thiết, phù hợp quy định pháp luật, tính khả thi, gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh quyết định thành lập cụm công nghiệp

3. Nội dung Quyết định thành lập cụm công nghiệp đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

4. Việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

5. Nếu có công trình hạ tầng kỹ thuật hình thành từ ngân sách nhà nước trong cụm công nghiệp thì xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Quy hoạch chi tiết được phê duyệt làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Việc quy hoạch các phân khu chức năng được thực hiện theo phương châm tiết kiệm quỹ đất, nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng hiện hành, đảm bảo mật độ xây dựng nhà máy, xí nghiệp theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD); phải bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

3. Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Việc lập, thẩm định và trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. UBND cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo thẩm quyền và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng. Trước khi phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, UBND cấp xã phải xin ý kiến bằng văn bản của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị có liên quan và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

4. Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan, Công an tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm cho ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho thuê đất đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. UBND cấp xã thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền vận động đến các tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; thực hiện giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thành lập, chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đơn vị có chức năng, nhiệm vụ lập phương án (tổng thể và chi tiết) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ xin thu hồi đất, giao đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm

vụ của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 14. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Việc tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chỉ được tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp khi đảm bảo đầy đủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật kinh doanh Bất động sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê lại đất gắn với hạ tầng kỹ thuật chung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về đầu tư đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trước khi tiếp nhận tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp không trái quy định của pháp luật và gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để theo dõi, quản lý; trường hợp đã có tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thì trước khi phê duyệt quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích phải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thỏa thuận, ký kết hợp đồng sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, tiện ích chung đúng mục đích; có trách nhiệm bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, tiện ích chung và thực hiện các nghĩa vụ đầy đủ theo quy định trong hợp đồng đã được ký kết.

5. Đối với cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách:

a) Đơn vị được giao làm chủ đầu tư chủ trì xây dựng phương án giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của từng cụm công nghiệp, gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ trong cụm công nghiệp đảm bảo theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 16. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Các nội dung quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Tình hình hoạt động của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước:

a) Sở Công Thương: Theo dõi, cập nhật, tổng hợp về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước và hiệu quả của các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, xử lý theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các hành vi vi phạm (nếu có); tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định, báo cáo đột xuất gửi Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra tình hình chấp hành quy định về sử dụng đất, bảo vệ môi trường; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (nếu có).

c) Sở Xây dựng: Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về quy hoạch chi tiết xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quy hoạch (nếu có). Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về giấy phép xây dựng công trình theo thẩm quyền, phân cấp; xử lý theo thẩm quyền và tham

muu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực xây dựng trong trường hợp UBND cấp xã không kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, phân cấp (nếu có).

d) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động; cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động cho lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trong các cụm công nghiệp theo quy định.

đ) Sở Tài chính: Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đầu tư, tài chính của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư.

e) Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; hướng dẫn, yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị kinh doanh hạ tầng thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và trực tiếp duy trì hoạt động theo chế độ chuyên trách theo quy định.

g) UBND cấp xã: Chủ trì theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với cụm công nghiệp, đảm bảo các yêu cầu về mật độ xây dựng, bảo vệ môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy và việc tuân thủ quy hoạch chi tiết, giấy phép xây dựng công trình được duyệt, xử lý vi phạm theo quy định. Theo dõi, cập nhật về tình hình đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Công Thương; xử lý theo thẩm quyền những hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý, bao gồm cả các công trình xây dựng trong các cụm công nghiệp.

3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo đúng các nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành;

b) Thu hút đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, di dời

vào cụm công nghiệp; chỉ đưa cụm công nghiệp vào kinh doanh khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật kinh doanh Bất động sản;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học và được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

đ) Hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy trong quá trình đầu tư xây dựng và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định;

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp của các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

g) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp:

a) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Thực hiện đầy đủ chế độ, nội dung báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động;

d) Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương, lập kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm và 05 (năm) năm đăng ký với Sở Nội vụ.

Điều 17. Công tác thông tin, báo cáo

1. Sở Công Thương thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 04, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

2. UBND cấp xã thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại

Biểu mẫu 03, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

3. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật thực hiện chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 02, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; Thông tư 38/2025/TT-BCT.

4. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 01, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng Quốc gia và Giám sát, đánh giá đầu tư; đồng thời gửi các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

6. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ gửi báo cáo định kỳ, đột xuất và cung cấp thông tin về hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định và gửi Sở Công Thương để theo dõi và tổng hợp chung.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư cụm công nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Cụm công nghiệp theo Luật số 72/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo: Trường hợp vi phạm quy định về báo cáo thống kê, xem xét xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê theo quy định tại khoản 5 Điều 19, khoản 4 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Luật Thống kê số 89/2015/QH13; Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Điều 18. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

a) Thanh tra, kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

b) Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp đúng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

a) Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp; xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm theo chuyên ngành gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Hàng năm, các Sở, ngành, UBND cấp xã lập Kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc triển khai công tác đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; việc chấp hành chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp. Chủ trì đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật (nếu có).

c) Khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có sự cố về môi trường, lao động, y tế, cháy nổ xảy ra thì cơ quan quản lý chuyên ngành và UBND cấp xã tổ chức kiểm tra đột xuất theo quy định; kết thúc cuộc kiểm tra cơ quan chủ trì phải kịp thời báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời thông báo cho Sở Công Thương và các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan để phối hợp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện.

Điều 19. Quản lý đối với cụm công nghiệp không có chủ đầu tư

1. UBND cấp xã quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong cụm công nghiệp. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc UBND cấp xã là cơ quan đầu mối có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các phòng, ban thuộc UBND cấp xã giúp UBND cấp xã quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành quy định của pháp luật về: Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, chế độ báo cáo... đồng thời, có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị khi có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến và thông báo kết quả với UBND cấp xã để phối hợp quản lý.

Điều 20. Chuyển đổi cụm công nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì rà soát, đề xuất chuyển đổi cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với lộ trình chuyển đổi trong Phương án phát triển cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (qua Sở Công Thương).

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III**TỔ CHỨC THI HÀNH****Điều 21. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.